

TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1473/2002/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

CUA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ 1473/2002/QĐ-TCHQ NGÀY 24
THÁNG 5 NĂM 2002 VỀ VIỆC BAN HÀNH MẪU ÁN CHỈ NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29-6-2001;

*Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31-12-2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;
Xét đề nghị của ông Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này:

- 1- Tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch (ký hiệu HQ/2002-PMD)
- 2- Tờ khai hàng hoá xuất khẩu biên giới (ký hiệu HQ/2002-XKBG)
- 3- Tờ khai hàng hoá nhập, xuất kho ngoại quan (ký hiệu HQ/2002-KNQ)
- 4- Tờ khai xe ô tô xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường bộ (ký hiệu HQ/2002/01-PTVT).
- 5- Giấy phép xe ô tô tạm xuất tái nhập có thời hạn (Ký hiệu GP/2002/02-PTVT)).
- 6- Sổ theo dõi ô tô, xe gắn máy tạm nhập tái xuất (ký hiệu HQ/2002/03A-PTVT)
- 7- Sổ theo dõi ô tô, xe gắn máy tạm xuất tái nhập (ký hiệu HQ/2002/03B-PTVT).
- 8- Tờ khai hàng hoá quá cảnh (ký hiệu HQ/2002-QC).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15-6-2002.

Bãi bỏ Quyết định số 40/TCHQ-GSQL ngày 04 tháng 05 năm 1996 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch (ký hiệu HQ2-96) và bãi bỏ Tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới (ký hiệu HQ8E-92), Tờ khai hàng xuất nhập khẩu (ký hiệu HQ/8C-92).

Điều 3: Các ông Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nguyễn Đức Kiên

(Đã ký)

HƯỚNG DẪN

SỬ DỤNG MẪU ÂN CHỈ NGHIỆP VỤ HẢI QUAN BAN HÀNH
*(Kèm theo quyết định số 1473/2002/QĐ-TCHQ ngày 24-5-2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục
Hải quan)*

A- QUY ĐỊNH CHUNG

1- Văn bản này hướng dẫn sử dụng một số ô, mục của các mẫu ân chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1473/2002/QĐ-TCHQ. Các ô, mục khác đã được quy định cụ thể, rõ ràng trên mẫu ân chỉ thì trong bản hướng dẫn này không hướng dẫn thêm.

2- Người khai chỉ được sử dụng một loại mục (không dùng mục đỗ) để khai, không được tẩy xoá, sửa chữa.

3- Các mẫu ân chỉ nghiệp vụ hải quan này do Tổng cục Hải quan thống nhất phát hành và quản lý trong toàn quốc.

B- HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

I- TỜ KHAI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU PHI MẬU DỊCH (Ký hiệu HQ/2002-PMD):

1- Phần tiêu đề của tờ khai: Nếu là hàng xuất khẩu thì gạch chẽ nhập khẩu. Nếu là hàng nhập khẩu thì gạch chẽ xuất khẩu.

2- Phần dành cho người khai hải quan:

2.1- Ô 4 "Loại hình":

a) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc loại hình nào thì đánh dấu (X) vào các ô tương ứng.

b) Ô "TN-TX" được hiểu là loại hình tạm nhập tái xuất có thời hạn, ô "TX-TN" được hiểu là loại hình tạm xuất tái nhập có thời hạn (không dùng tờ khai này cho hàng hoá kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất).

c) " " trống: dùng để ghi loại hình khác nếu có loại hình mới chưa được quy định trên tờ khai.

2.2- Ô 13 "Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu":

Nếu là hàng của cá nhân thì không phải đóng dấu. Nếu là hàng của tổ chức, cơ quan thì phải đóng dấu.

II- TỜ KHAI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU BIÊN GIỚI (Ký hiệu HQ/2002-XKBG):

1- Tờ khai này chỉ dùng cho hàng hoá xuất khẩu biên giới (hiện nay có nơi gọi là xuất khẩu tiểu ngạch, có nơi gọi là xuất khẩu biên giới).

2- Tờ khai này không dùng cho việc khai và tính thuế hàng hoá trao đổi, mua bán của cư dân biên giới.

3- Tờ khai này chỉ dùng cho mục đích thông kê thương mại và tính, thu thuế xuất khẩu (nếu có). Tờ khai này không có giá trị để hoàn thuế đầu vào của sản phẩm xuất khẩu (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu).

4- Ô 8 "Đơn giá nguyên tệ", ô 9 "Trị giá nguyên tệ":

Nếu việc mua bán được tính toán, thanh toán bằng đồng tiền nước ngoài thì ghi bằng đồng tiền nước ngoài, nếu bằng đồng tiền Việt Nam thì ghi thêm chữ VNĐ.

5- Ô 10 "Người khai ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu":

Đối với hộ kinh doanh cá thể, nếu theo quy định của pháp luật không có con dấu, thì không phải đóng dấu.

III- TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP, XUẤT KHO NGOẠI QUAN (HQ/2002-KNQ):

Tờ khai này dùng để khai, theo dõi cả hàng nhập kho và hàng xuất kho (trên cùng 01 tờ khai).

1. Ô 1 "Người thuê kho ngoại quan" và ô 4 "Chủ kho ngoại quan":

Ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, FAX.

2- Ô 5 "Địa điểm kho ngoại quan":

Ghi đầy đủ tên kho, địa chỉ kho ngoại quan theo giấy phép thành lập kho ngoại quan.

3- Ô 6 "Cảng, địa điểm xếp hàng":

Ghi tên cảng, địa điểm hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để chuyển đến Việt Nam.

4- Ô 8 "Vận tải đơn":

Nếu hàng chuyển từ kho ngoại quan khác đến, hoặc hàng xuất khẩu gửi kho ngoại quan không có vận tải đơn thì không phải ghi tiêu thức này.

5- Ô 9 "Cửa nhập khẩu":

Nếu hàng chuyển từ kho ngoại quan khác đến thì ghi tên kho ngoại quan có hàng chuyển đến, nếu hàng xuất khẩu gửi kho ngoại quan thì ghi là hàng xuất khẩu gửi kho ngoại quan.

6- Ô 10 "Tên hàng, quy cách phẩm chất":

Trường hợp lô hàng có trên 4 mặt hàng thì khai sang tờ khai thứ 2.

7- Ô 11 "Chứng từ kèm theo":

Trường hợp hàng xuất khẩu gửi kho ngoại quan thì ghi dãy chiểu số, ngày tờ khai xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan. Trường hợp lô hàng gửi kho ngoại quan làm thủ tục nhập vào nội địa thì ghi dãy chiểu số, ngày, tờ khai nhập khẩu đã được đăng ký.

8- Ô 15 và ô 23 "Người khai hải quan":

- Nếu người thuê kho tự làm thủ tục đưa hàng vào, ra kho ngoại quan thì người khai hải quan ở đây là người thuê kho.

- Nếu người thuê kho uỷ quyền cho chủ kho ngoại quan làm thủ tục hải quan để nhập kho, xuất kho thì người khai hải quan ở đây là chủ kho ngoại quan.

9- Ô 16 "Xác nhận hàng nhập kho ngoại quan":

- Ghi xác nhận tên hàng, lượng hàng, phẩm chất, tình trạng bao bì.

- Trường hợp lô hàng không nhập kho mà vận chuyển thẳng từ cửa khẩu nhập ra nước ngoài thì ghi rõ lô hàng được vận chuyển thẳng ra nước ngoài ngay tại cửa khẩu nhập. Trường hợp lô hàng được làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam ngay tại cửa khẩu nhập thì ghi lô hàng đã được làm thủ tục nhập vào nội địa, không nhập kho ngoại quan.

- Lãnh đạo đội nghiệp vụ phụ trách kho ngoại quan xác nhận, ký, đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan" vào ô này.

10- Ô 17 "Lệ phí hải quan": Ô này dùng để ghi cả lệ phí khi nhập kho và khi xuất.

11- Phần C "Theo dõi hàng xuất kho ngoại quan":

Từng lần làm thủ tục xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, người khai hải quan phải nộp cho hải quan Phiếu xuất kho theo mẫu của Bộ Tài chính. Việc ghi các cột được thực hiện như sau:

a) Cột 22 "Cửa khẩu xuất": Khai cửa khẩu mà hàng hoá đi qua để ra nước ngoài. Nếu hàng chuyển sang kho ngoại quan khác thì ghi tên kho ngoại quan nơi hàng đến. Nếu hàng được nhập khẩu vào nội địa thì ghi "Hàng nhập khẩu vào Việt Nam".

b) Cột 23 "Người khai hải quan ký tên, đóng dấu": đối với tờ khai lưu tại cơ quan Hải quan thì không yêu cầu phải đóng dấu.

c) Cột 24 "Xác nhận của Hải quan kho ngoại quan": Lãnh đạo đội nghiệp vụ làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng xuất kho ngoại quan xác nhận hàng xuất ra khỏi kho ngoại quan, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu "Đã làm thủ tục Hải quan".

d) Cột 25 "Xác nhận của Hải quan cửa khẩu xuất": Xác nhận hàng thực xuất theo quy định. Nếu hàng chuyển sang gửi kho ngoại quan khác, thì Hải quan kho ngoại quan nhận hàng xác nhận. Nếu hàng nhập khẩu vào Việt Nam thì không phải xác nhận vào cột này.

12- Ô 27 "Thanh khoản hàng nhập, xuất kho ngoại quan của hải quan":

Ô này ghi sau khi thanh khoản hợp đồng thuê kho. Chủ kho ngoại quan chịu trách nhiệm thanh khoản với cơ quan hải quan. Khi thanh khoản, Hải quan phải căn cứ vào hợp đồng thuê kho, tờ khai lưu của hải quan, tờ khai của người khai hải quan có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu xuất và các Phiếu xuất kho. Nếu có các biên bản vi phạm và quyết định xử lý thì cũng ghi dẫn chiếu vào ô này. Lãnh đạo Chi cục Hải quan xác nhận kết quả thanh khoản.

IV- TỜ KHAI XE Ô TÔ XUẤT, NHẬP CẢNH QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐƯỜNG BỘ (HQ/2002/01-PTVT)

1- Tại mục 2:

- Loại xe: Ghi xe tải, xe du lịch, xe cẩu...

- Nhãn hiệu xe: Ghi nhãn hiệu xe và tên hãng sản xuất (TOYOTA CAMRY, FORD TRANSIT...).

2- Tại mục 3:

"Tạm XC" được hiểu là tạm xuất cảnh, "Tạm NC" được hiểu là tạm nhập cảnh, "QC" được hiểu là xuất quá cảnh, "NQC" được hiểu là nhập quá cảnh, "TN" được hiểu là tái nhập, "TX" được hiểu là tái xuất.

3- Tại mục 4:

Nếu xe ô tô tạm nhập - tái xuất có thời hạn thì giấy phép do cơ quan Công an cấp. Nếu xe ô tô tạm xuất tái nhập có thời hạn thì giấy phép do Cục Hải quan tỉnh, thành phố cấp.

V- SỔ THEO DÕI Ô TÔ, XE GẮN MÁY XUẤT NHẬP CẢNH (HQ/2002/03A-PTVT và HQ/2002/03B-PTVT)

1- Bao gồm 2 loại:

- Sổ theo dõi ô tô, xe gắn máy tạm nhập tái xuất, ký hiệu HQ/2002/03A-PTVT.

- Số theo dõi ô tô, xe gắn máy tạm xuất tái nhập, ký hiệu HQ/2002/03B-PTVT.

2- Hải quan ghi theo dõi xe tạm nhập và tái xuất, tạm xuất và tái nhập trên cùng một dòng.

3- Cột 1:

Ghi ngày xe tạm xuất, tạm nhập và số thứ tự theo số tăng dần từ số 01 của ngày đầu tiên, ngày thứ 2 ghi số thứ tự tiếp theo số cuối cùng của ngày thứ nhất. Ví dụ: ngày thứ nhất từ 01 đến 15 thì ngày thứ hai sẽ bắt đầu từ số 16, 17...

4- Cột 10 và 15 "Tình trạng xe khi tạm xuất, khi tái nhập, khi tạm nhập, khi tái xuất":

Ghi những lưu ý cơ bản về xe để làm cơ sở đối chiếu khi tái nhập, tái xuất.

VI- TỜ KHAI HÀNG HÓA QUÁ CẢNH (HQ/2002-QC)

Tờ khai này sử dụng trong trường hợp hàng hóa quá cảnh phải lưu kho hoặc thay đổi phương tiện vận tải quy định tại tiết b, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP này 31-12-2001 của Chính phủ.

1- Ô 1 "Chủ hàng" và ô 4 "Người vận chuyển hàng quá cảnh":

Ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số FAX.

2- Ô 5 "Địa điểm, thời gian lưu kho":

Ghi rõ địa chỉ của địa điểm lưu kho, thời gian lưu kho.

3- Ô 6 "Cảng địa điểm xếp hàng":

Ghi tên cảng, địa điểm hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để chuyển đến Việt Nam.

4- Ô 8 "Vận tải đơn":

Nếu hàng được vận chuyển đến Việt Nam bằng đường bộ không có vận tải đơn thì không phải ghi tiêu thức này.

5- Ô 10 "Phương tiện vận tải xuất và tuyến đường":

Ghi phương tiện vận tải và tuyến đường vận chuyển hàng qua cảnh qua lãnh thổ Việt Nam.

6- Ô 11 "Tên hàng, quy cách phẩm chất":

Trường hợp có trên 4 mặt hàng thì khai sang tờ khai thứ 2.

7- Ô 16 và ô 24 "Người khai hải quan":

Nếu chủ hàng vận chuyển hàng qua cảnh lãnh thổ Việt Nam thì chủ hàng là người khai hải quan; nếu chủ hàng thuê vận chuyển hàng qua cảnh thì người làm dịch vụ vận chuyển hàng qua cảnh là người khai hải quan.

8- Ô 17 "Xác nhận của Hải quan cửa khẩu nhập":

- Ghi xác nhận tên hàng, lượng hàng, phẩm chất, tình trạng bao bì.

- Đóng dấu "Đã làm thủ tục Hải quan".

9- Ô 18 "Lệ phí Hải quan":

Ô này dùng để ghi cả lệ phí khi nhập và khi xuất.

10- Ô "Thanh toán của Hải quan":

Ô này ghi sau khi lô hàng đã được xuất hết ra nước ngoài. Nếu có biên bản vi phạm và quyết định xử lý thì cũng ghi dẫn chiếu vào ô này. Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập xác nhận kết quả thanh khoản.